TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01679

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi M.04 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10151102	TRẦN THỊ THANH	BON	DH10DC	2		9	7	9	8,6	8	6
2	10151050	ĐÀO HỒ THỊ	DIỆU	DH10DC	1		9	4	9	8,0	8	0
3	10151107	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH10DC	1		7	0	7	5,6	5	6
4	10151056	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DC	2		8	8	8	8,0	8	0
5	10151006	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
6	10151078	HOÀNG MINH	ĐẮC	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
7	10124045	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	DH10QL	1		9	9	9	9,0	9	0
8	10151108	TRẦN THỊ	HẰNG	DH10DC	1		7	4	7	6,4	6	4
9	10151012	LÊ CÔNG	HIỆP	DH10DC	1		8	0	8	6,4	6	4
10	10151048	LÝ TRUNG	HIẾU	DH10DC	1		9	9	9	9,0	9	0
11	10151110	PHAN THỊ	HOA	DH10DC	1		9	9	7	7,6	7	6
12	10151064	NGUYỄN THỊ MỸ	HÒA	DH10DC	1		7	7	7,5	7,4	7	4
13	10151076	LÊ MINH	HOÀNG	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
14	10124070	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH10QL	1		7	0	5	4,2	4	2
15	10151065	NGUYỄN XUÂN	HUY	DH10DC	1		7	3	7	6,2	6	2
16	10151039	ĐỖ THỊ THANH	HUYỀN	DH10DC	1		9	8	9	8,8	8	8
17	10124080	TRẦN QUANG	KHẢI	DH10QL	1		7	0	3	2,8	2	8
18	10151081	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIỄU	DH10DC	1		7	4	4	4,3	4	3

Số bài: 42 ; Số tờ: 44

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Pa Thị Thép

Nguyễn Ngọc Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Nguyễn Ngọc Thụy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Ngọc Cẩm

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01679

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi M.04 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124097	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	DH10QL	1		9	9	3	4,8	4	8
20	10124105	LÊ NGỌC	LỢI	DH10QL	1		9	9	2	4,1	4	1
21	10151069	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	DH10DC	1		9	9	8,5	8,7	8	7
~~22~~	~~09124056~~	~~LƯƠNG HỒNG~~	~~NANG~~	~~DH09QL~~								
23	10151022	CHÂU	NGÂN	DH10DC	1		8	7	8	7,8	7	8
24	10151084	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	DH10DC	1		9	9	8	8,3	8	3
25	10151074	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	DH10DC	1		8	8	6	6,6	6	6
26	10151025	LÊ QUANG	NHỰT	DH10DC	1		7	7	2	3,5	3	5
27	10151106	NGÔ TẤN	NIÊN	DH10DC	1		8	8	3	4,5	4	5
28	10151099	NGUYỄN MINH	PHI	DH10DC	1		8	8	4	5,2	5	2
29	10151087	LÊ THANH	PHONG	DH10DC	1		7	3	2	2,7	2	7
30	10151093	LÊ NHƯ	QUANG	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
31	10124161	PHẠM NHƯ	QUỲNH	DH10QL	1		7	0	7	5,6	5	6
32	10151062	LÊ THÀNH	TÀI	DH10DC	1		8	7	8,5	8,2	8	2
33	10151029	NGUYỄN VĂN	TÀI	DH10DC	1		9	9	9	9,0	9	0
34	10124169	PHAN THANH	TÂM	DH10QL	1		8	8	4	5,2	5	2
35	10124181	NGUYỄN QUỐC	THÁI	DH10QL	1		7	0	3	2,8	2	8
36	10151073	LÊ PHƯƠNG	THÚY	DH10DC	1		8	7	8	7,8	7	8

Số bài: 42 ; Số tờ: 44

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đa Thị Thiệp

Nguyễn Ngọc Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Nguyễn Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Ngọc Lâm

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01679

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi M.04 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10151067	LÊ THỊ THU	THÚY	DH10DC	1		7	4	7	6,4	6	4
38	10124216	PHẠM THỊ MỸ	TRANG	DH10QL	1		9	9	8,5	8,7	8	7
39	10151077	NGUYỄN HỮU	TRÍ	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
40	10151105	LÊ THỊ THÚY	TRINH	DH10DC	1		9	9	7	7,6	7	6
41	10151035	ĐOÀN HUY	TRƯỜNG	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
42	10124234	LÊ TRỌNG	TUẤN	DH10QL	1		7	0	0	2,1	2	1
43	09124117	VŨ THỊ THÚY	VI	DH09QL	1		9	9	8	8,3	8	3

Số bài: 42 ; Số tờ: 44

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Th Nguyễn Ngọc Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Ngân Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê ngọc lân

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01680

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10151001	NGUYỄN TIẾN	AN	DH10DC	1		9	9	2	4,1	4	1
2	10151042	HỒ NHỰT	ANH	DH10DC	1		8	8	8	8,0	8	0
3	10151002	TRỊNH THỊ HOÀI	ÂN	DH10DC	1		8	4	8	7,2	7	2
4	10151003	LÊ CÔNG	DANH	DH10DC	1		7	3	5	4,8	4	8
5	10151051	PHÙNG THỊ	DUNG	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
6	10151049	LÊ KIÊN	DŨNG	DH10DC	1		7	7	7	7,0	7	0
7	10151040	NGÔ TUẤN	DŨNG	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
8	10124027	BÙI QUANG	DUY	DH10QL	1		9	9	6	6,9	6	9
9	10124037	VÕ PHẠM NGỌC	ĐẠT	DH10QL	1		7	0	7	5,6	5	6
10	10151054	TRẦN	ĐIỀN	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
11	10151009	NGUYỄN NGỌC	HẢI	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
12	10151011	MAI HOÀI	HIẾU	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
13	10124062	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÒA	DH10QL	1		9	9	8	8,3	8	3
14	10151013	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH10DC	1		8	8	5	5,9	5	9
15	10151098	LƯU THỊ	HUỆ	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
16	10124066	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	DH10QL	1		8	8	9	8,7	8	7
17	10151080	ĐẶNG THỊ HỒNG	KHANH	DH10DC	1		9	9	8	8,3	8	3
18	10151059	LÊ HOÀNG	KIM	DH10DC	1		7	7	8	7,7	7	7

Số bài:...53.....; Số tờ:...55.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Huyền

Ng Lưu Như Quỳnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Ngô Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Ngọc Tuấn

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01680

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10151014	PHAN VĂN	LÃNG	DH10DC	1		7	3	4	4,1	4	1
20	10124090	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIÊN	DH10QL	1		7	0	4	3,5	3	5
21	10151016	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	DH10DC	1		7	4	7	6,4	6	4
22	10124101	PHẠM THỊ BÍCH	LOAN	DH10QL	1		7	0	7	5,6	5	6
23	10124104	PHẠM PHƯỚC	LỘC	DH10QL	1		9	9	6	6,9	6	9
24	10151019	VÕ VĂN	LUÂN	DH10DC	1		7	4	5	5,0	5	0
25	10124110	LÊ ĐỨC	MẠNH	DH10QL	1		9	9	8	8,3	8	3
26	10151090	ĐINH CÔNG	MINH	DH10DC	1		7	3	2	2,7	2	7
27	10124115	TRẦN THỊ	MINH	DH10QL	1		8	8	6	6,6	6	6
28	10124126	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH10QL	1		8	0	8	6,4	6	4
29	10124134	NGUYỄN VĂN	NHÂN	DH10QL	1		7	0	7	5,6	5	6
30	10151023	TRẦN BÁ LƯƠNG	NHẪN	DH10DC	1		7	4	7	6,4	6	4
31	10151052	THÁI VĂN	PHONG	DH10DC	1		8	8	6	6,6	6	6
32	10124274	LÊ ĐÌNH	PHÚC	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6
33	10124156	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH10QL	1		9	9	8,5	8,7	8	7
34	10124159	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	DH10QL	1		9	9	8,5	8,7	8	7
35	10124163	TRƯƠNG HOÀNG	SANG	DH10QL	1		7	0	7	5,6	5	6
36	10151028	NGUYỄN TẤN	SIÊU	DH10DC	1		7	7	2	3,5	3	5

Số bài: 53 ; Số tờ: 55

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Thuyền

Lịnh Nữ Lưu Như Quỳnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Nguyễn Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Ngọc Lâm

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01680

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10151088	ĐỖ KHẮC	SƠN	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
38	10124167	TRẦN ANH	TÀI	DH10QL	1		9	9	7,5	8,0	8	0
39	10151086	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10DC	2		9	9	9,5	9,4	9	4
40	10151032	LÝ VĂN	THẮNG	DH10DC	1		7	3	1	2,0	2	0
41	10151033	NGUYỄN THIÊN	THẮNG	DH10DC	1		7	7	2	3,5	3	5
42	10124196	ĐẶNG THỊ BÍCH	THỦY	DH10QL	1		9	8	9	8,8	8	8
43	10124197	HUỲNH THỊ MỘNG	THÚY	DH10QL	1		9	8	9	8,8	8	8
44	10124198	ĐẶNG NGUYỄN THANH	THƯ	DH10QL	1		7	0	4	3,5	3	5
45	10151047	HOÀNG ĐÌNH	TÌNH	DH10DC	1		7	7	7	7,0	7	0
46	10151094	NGUYỄN CAO THANH	TRANG	DH10DC	1		8	8	8	8,0	8	0
47	10124217	PHÙNG THỊ KIỀU	TRANG	DH10QL	2		8	8	7,5	7,7	7	7
48	10124226	HUỲNH CHÍ	TRUNG	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6
49	10124230	HUỲNH TRỌNG	TRƯỜNG	DH10QL	1		8	8	6	6,6	6	6
50	10151036	TRẦN MINH	TÚ	DH10DC	1		9	9	7	7,6	7	6
51	10124235	VŨ TRẦN ANH	TUẤN	DH10QL	1		7	0	6	4,9	4	9
52	10151096	MAI MỘNG	TUYỀN	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
~~53~~	~~09113220~~	~~HÀ QUỐC~~	~~VIỆT~~	~~DH09QL~~								
54	10151097	NGUYỄN HẠNH	YÊN	DH10DC	1		8	8	8	8,0	8	0

Số bài: 53 ; Số tờ: 55

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Huyền

Lynh Ng Lưu Như Quỳnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Trần Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Ngọc Lâm

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01681

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10151043	HUỲNH THỊ NGỌC	ÁNH	DH10DC	1		9	8	9	8,8	8	8
2	10124020	DƯƠNG BIÊN	CƯƠNG	DH10QL	1		8	8	1	3,1	3	1
3	10151004	TRẦN THANH	DÂN	DH10DC	1		7	7	5	5,6	5	6
4	10124025	CÙ THANH	DUNG	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6
5	10124032	TRẦN TIẾN	DŨNG	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6
6	10124033	TRẦN VĂN	DŨNG	DH10QL	1		9	9	5	6,2	6	2
7	10124028	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH10QL	1		9	9	5	6,2	6	2
8	10151005	NGUYỄN LINH	DUY	DH10DC	1		7	7	4	4,9	4	9
9	10124040	ĐINH VĂN	ĐỨC	DH10QL	1		9	9	5	6,2	6	2
10	10151007	NGUYỄN HUỲNH CÔNG	ĐỨC	DH10DC	1		8	8	7	7,3	7	3
11	10151010	PHAN BÙI THANH	HẢI	DH10DC	1		8	8	6	6,6	6	6
12	10124047	TRƯƠNG VĂN	HẠNH	DH10QL	1		7	0	7	5,6	5	6
13	10124048	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	DH10QL	1		9	9	6	6,9	6	9
14	10151055	VƯƠNG THỊ	HIẾU	DH10DC	1		8	7	8	7,8	7	8
15	10124059	ĐOÀN MINH	HOÀNG	DH10QL	1		9	9	6	6,9	6	9
16	10124060	HUỲNH CHÍ	HOÀNG	DH10QL	1		9	9	6	6,9	6	9
17	10124063	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	DH10QL	1		8	8	6	6,6	6	6
18	10124078	DƯƠNG MINH	HỬU	DH10QL	1		9	9	9	9,0	9	0

Số bài: 56 ; Số tờ: 56

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng° Ngọc My Tiên

Ng° Chí Hồng Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Nguyễn Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê ngọc Lân

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01681

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124083	LÊ HẠ	LAM	DH10QL	1		8	8	7	7,3	7	3
20	10124276	HOÀNG THANH	LIÊM	DH10QL	1		8	8	8	8,0	8	0
21	10124086	NGUYỄN THANH	LIÊM	DH10QL	1		9	9	8	8,3	8	3
22	10151018	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	DH10DC	1		8	7	8	7,8	7	8
23	09113214	LÝ THỊ KIM	LOAN	DH09QL	1		9	9	6	6,9	6	9
24	10124102	LỮ THẾ	LONG	DH10QL	1		9	9	5	6,2	6	2
25	10151109	TRẦN THỊ	LUẬN	DH10DC	1		8	8	8	8,0	8	0
26	10151020	HUỲNH MINH	LÝ	DH10DC	1		7	7	6	6,3	6	3
27	10124111	VÕ ĐỨC	MẾN	DH10QL	1		9	9	8	8,3	8	3
28	10124113	ĐẶNG ĐỖ THANH	MINH	DH10QL	1		8	0	8	6,4	6	4
29	10151021	LÊ NGUYỄN DIỄM	MY	DH10DC	1		7	7	7	7,0	7	0
30	10151068	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	MY	DH10DC	1		7	4	3	3,6	3	6
31	10124120	NGUYỄN HOÀI	NAM	DH10QL	1		8	8	6	6,6	6	6
32	10124124	ĐẶNG TRƯƠNG TUYẾT	NGÂN	DH10QL	1		8	8	6	6,6	6	6
33	10124130	VÕ TẤN	NGUYÊN	DH10QL	1		8	8	5	5,9	5	9
34	10151026	NGUYỄN CÔNG THANH	PHONG	DH10DC	1		7	7	7	7,0	7	0
35	10151027	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH10DC	1		7	7	7	7,0	7	0
36	10124157	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH10QL	1		8	8	8	8,0	8	0

Số bài: 36 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Ngọc My Tiên

Ng Chí Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Ngọc Tâm

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01681

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10151060	VŨ TRUNG	QUẢNG	DH10DC	1		8	8	4	5,2	5	2
38	10124171	NGUYỄN VĂN	TÂN	DH10QL	1		9	9	8	8,3	8	3
39	10124180	LÊ HỒNG	THÁI	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6
40	10151103	BÙI CHÂU	THANH	DH10DC	1		7	7	3	4,2	4	2
41	10151030	PHAN ĐỨC	THANH	DH10DC	1		8	8	8	8,0	8	0
42	10124176	LÊ THỊ	THẢO	DH10QL	1		8	8	7	7,3	7	3
43	10124182	LÊ CHÍ	THÂM	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6
44	10151034	NGUYỄN HỮU	THUẬN	DH10DC	1		8	8	8	8,0	8	0
45	10151072	HUỲNH THỤY DIỄM	THÚY	DH10DC	1		7	7	7	7,0	7	0
46	10151089	NGUYỄN DƯƠNG THẢO	TRANG	DH10DC	1		8	8	8	8,0	8	0
47	10124215	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10QL	1		9	9	8	8,3	8	3
48	10151104	LƯU QUANG	TRUNG	DH10DC	1		7	7	5	5,6	5	6
49	10124231	TIÊU VIẾT	TRƯỜNG	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6
50	10124242	BÙI THỊ	TƯƠI	DH10QL	1		8	8	7	7,3	7	3
51	10124244	HUỲNH VĂN	TƯỢNG	DH10QL	1		9	9	5	6,2	6	2
52	10151037	MÃ THỊ CẨM	VÂN	DH10DC	1		8	4	8	7,2	7	2
53	10124248	PHAN THỊ YẾN	VI	DH10QL			9	9	7	7,6	7	6
54	10124249	TRẦN THÚY	VI	DH10QL	1		9	9	7	7,6	7	6

Số bài: 56 ; Số tờ: 56

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng° Ngọc My° Tiên

Ng° Chí Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Ngọc Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê ngọc Lâm

Ngày 31 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01681

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Viễn thám ứng dụng (209108) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10124254	HỒ ÁI VY	DH10QL	1		9	9	8	8,3	8	3
56	10124257	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	DH10QL	1		8	8	8,5	8,4	8	4

Số bài: 56 ; Số tờ: 56

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Ngọc Mỹ Tiên

Ng Chí Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Nguyễn Nga Thy

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Ngọc Lâm

Ngày 3/1 tháng 7 năm 2013